

## IV. KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN

### 1. Các trường hợp hạch toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ, phát sinh trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp nộp tiền mặt hoặc séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác;
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp, khách hàng và Kho bạc Nhà nước).

### 2. Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển

#### 2.1. Tài khoản sử dụng

##### - TÀI KHOẢN 113 - TIỀN ĐANG CHUYỂN

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

##### *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 - Tiền đang chuyển*

##### **Bên Nợ:**

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

##### **Bên Có:**

- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

##### **Số dư bên Nợ:**

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

##### *Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:*

- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển;
- *Tài khoản 1132 - Ngoại tệ:* Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

#### 2.2. Phương pháp kế toán

(1). Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng (không qua quỹ), ghi;

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (Thu nợ của khách hàng); hoặc

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(2). Xuất quỹ tiền mặt gửi vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 111 - Tiền mặt (1111, 1112).

(3). Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở Ngân hàng để trả cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng.

(4). Khách hàng trả trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(5). Ngân hàng báo Có các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, ghi:

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 113 - Tiền đang chuyển.

(6). Ngân hàng báo Nợ về số tiền đang chuyển đã chuyển trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 113 - Tiền đang chuyển.

(7). Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố, đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113:

- Nếu chênh lệch tăng tỷ giá sẽ phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển (1132)

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132).

- Nếu chênh lệch giảm tỷ giá sẽ phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132).

Có TK 113 - Tiền đang chuyển (1132).